

Bản án số: **10/2020/HS-ST**
Ngày: 16/03/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Ly.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Như Anh và ông Nguyễn Thế Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐ-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Hữu Th, sinh năm 1987, tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Trần Hữu Q và bà Vũ Thị T; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích H, bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: 02 tiền án về tội Đánh bạc; cụ thể: Tại Bản án số 310/2015/HSPT ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng và tại Bản án số 119/2019/HSPT ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 2 năm tù về tội Đánh bạc; Tiền sự: Không. Bị cáo hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Đắk Trung, tỉnh Đắk Lắk theo Bản án số 119/2019/HSPT ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

2. Nguyễn Đắc Th2, sinh năm 1995, tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Thành Đ và bà Tô Thị C; Bị cáo có vợ là Lê Thị D, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện EaKar. (có mặt).

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, tại huyện K, tỉnh H Dương; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

không; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Lê Thị D; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 11/10/2005, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi: Cố ý gây thương tích và gây rối trật tự công cộng; ngày 30/9/2007, chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở giáo dục về lại địa phương sinh sống. Ngày 03/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 08/7/2016 chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương sinh sống. Ngày 26/04/2017, bị Tòa án nhân dân huyện M quyết định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 05/6/2018, chấp hành xong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện EaKar. (có mặt).

4. **Vũ Văn D**, sinh năm 1995, tại huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn 7, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Vũ Văn C và bà Mai Thị L; Bị cáo có vợ là Nay H' T, bị cáo có 01 con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện EaKar. (có mặt).

5. **Vũ Văn N**, sinh năm 1990, tại huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn 1, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Vũ Văn B và bà Vũ Thị H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 6 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản; ngày 27/9/2013, chấp hành xong hình phạt. Bị cáo hiện đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

*** Người bị hại:**

- Ông Trần Văn T – sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Ngọc V – sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn 7, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ông Trần Xuân T1 – sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn HT, xã H, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Ông Nông Văn B – sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 12, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Minh H – sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 5, xã S1, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Ông Đỗ Văn N – sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 7, xã X, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Bích H2 – sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

4. Ông Đỗ Thiện Q – sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Tân L – sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

6. Ông Bùi Văn H3 – sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

7. Ông Tô Xuân X – sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 2, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

8. Ông Trần Công Đ – sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

9. Ông Hồ Chí L – sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 14, xã Đ, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

10. Bà Thái Thùy T2 – sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

11. Bà Hồ Thị L1 – sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

12. Bà Dương Thị Thanh T3 – sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 13, xã P, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

* Người làm chứng: Ông Nông Văn A – sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn 14, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 09/7/2019, Trần Hữu Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47F1-098.33 (xe của anh Đỗ Thiện Q), chở theo Vũ Văn D đi từ xã Đ, huyện K, về huyện E. Khi đến khu vực ngã tư buôn X, xã S1, huyện E thì gặp Nguyễn Đắc Th1 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K7-7973 (xe của Nguyễn Văn H) chở Nguyễn Văn H đang đi hướng ngược lại. Ngồi nói chuyện một lúc, do không có tiền nên H rủ cả nhóm đi tìm nhà dân có tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài, nghe H nói xong thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, Hữu Th điều khiển xe chở D, Đắc Th1 chở H ra hướng xã S, huyện E đi theo các đường liên thôn tìm nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông Trần Văn T thuộc thôn 5, xã S, huyện E, thấy nhà khóa cửa ngoài, không có ai trông coi, nên H nói: "nhà này không có ai, vào kiểm đồ đi". H nói xong thì D xuống xe và cùng H đi bộ vào trong nhà, còn Hữu Th và Đắc Th1 đứng ở ngoài trông xe, cảnh giới. D và H đi vòng phía bên vườn tiêu ra phía sau nhà, thấy cửa sau bằng sắt đã khóa, H nhặt được 01 gậy sắt ở gần đó, rồi dùng gậy cạy cửa. Sau khi H phá được cửa, cả hai đi vào trong nhà tìm tài sản để trộm cắp. Tại đây, D lấy được: 01 bình bơm thuốc sâu; 01 máy phát cỏ; 01 máy hút cát, còn H lấy được: 01 máy bơm thuốc và 01 bình bơm hơi. Sau khi lấy tài sản xong, H và D đi ra ngoài, Hữu Th và Đắc Th1 đi xe tới chở cả hai cùng số tài sản vừa trộm cắp được đi tiêu thụ. Cả nhóm đi đến tiệm thu mua phế liệu của anh Lê Minh H ở thôn 5, xã S1, huyện E để bán tài sản. D trực tiếp vào gặp anh H và trao đổi mua bán. D bán cho anh H 01 máy hút cát, 01 bình bơm hơi và 01 máy bơm thuốc với số tiền 2.000.000 đồng. Còn lại D lấy 01 bình bơm thuốc sâu, Hữu Th lấy 01 máy phát cỏ. Số tiền 2.000.000 đồng, cả nhóm tiêu xài chung hết 950.000 đồng, còn lại D chia cho Đắc Th1 300.000 đồng; Hữu Th 150.000 đồng; H 450.000 đồng, còn lại D 150.000 đồng. Đối với 01 bình bơm

thuốc sâu D mang về, trên đường về bán lại cho anh Đỗ Văn N với giá 430.000 đồng, còn 01 máy phát cỏ Hữu Th đem về nhà sử dụng.

Quá trình điều tra còn chứng minh được, ngoài lần trộm cắp tài sản trên, Nguyễn Đắc Th1 và Nguyễn Văn H và những đối tượng khác còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Ea Kar, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 09/8/2019, Vũ Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47L2-1080 chở Nguyễn Đắc Th1 đi từ huyện M đến xã Y, huyện E, mục đích tìm nhà nào có tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Ngọc V thuộc thôn 12, xã Y, huyện E, quan sát một vòng thấy cửa nhà khóa, phát hiện trước sân có 03 cuộn lưới B40, không có ai trông coi. N đi xe lại gần nơi đặt cuộn lưới, rồi cùng Th1 khiêng bỏ lên xe, rồi chở đến tiệm thu mua phế liệu HY do ông Tô Xuân X tại thôn 2, xã Y, huyện E bán được số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, N và Th1 đã cùng nhau tiêu xài hết số tiền này.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 21/8/2019, Vũ Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29N1-3747 chở Nguyễn Đắc Th1 đi tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến nhà rẫy của anh Nguyễn Xuân T1 thuộc thôn 6, xã S1, huyện E, khóa cửa bên ngoài, không có người trông coi. N dựng xe ngoài đường, rồi cùng Th1 đi bộ vào tìm tài sản để trộm cắp. Khi thấy trước nhà có một cái giếng khoan, biết phía dưới có máy bơm nên N, Th1 kéo theo đường dây trên bờ giếng lên 01 máy bơm nhãn hiệu Galaxy II. Sau đó cả hai chở máy bơm vừa trộm cắp được đến tiệm điện cơ MH do anh Hồ Chí L tại thôn 14, xã Đ, huyện E, làm chủ bán được số tiền 400.000 đồng, cả hai tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 3 giờ ngày 22/8/2019, Vũ Văn N và Nguyễn Đắc Th1 rủ Nguyễn Văn H đến rẫy nhà anh Nguyễn Xuân TQ1 ở thôn 6, xã S1, huyện E trộm cắp tài sản, thì H đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29N1-3747 chở Thành, còn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (chưa xác định biển số) đến rẫy nhà anh T1, khi đi H mang theo 01 kìm và 02 cà lê 13. Đến nơi, H và Th1 dựng xe bên ngoài, cả ba đi bộ vào trong, quan sát không thấy có tài sản gì nên nảy sinh ý định cắt lưới B40 để bán. H dùng kìm mang theo từ trước rồi đến hàng rào đang rào bằng lưới B40, tháo một đầu lưới B40, còn N và Th1 tháo 01 đầu. Sau khi tháo xong được 02 cuộn lưới, cả ba cuộn lại rồi N và Th1 chở đến tiệm thu mua phế liệu KL tại thôn 8, xã Đ, huyện E do chị Hồ Thị L làm chủ, bán được số tiền 920.000 đồng, sau đó cả ba cùng nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 5 giờ ngày 23/8/2019, Vũ Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 29N1-3747 chở Nguyễn Đắc Th1 tiếp tục đến nhà anh Nguyễn Xuân T1 trộm cắp thêm 01 cuộn lưới B40. Sau khi trộm cắp tài sản xong, Th1 điều khiển xe chở lưới B40 bán cho chị Thái Thị Thùy T2 tại thôn Q, xã T, huyện E với số tiền 260.000 đồng, rồi một mình Th1 tiêu xài hết số tiền này.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 5 giờ ngày 27/8/2019, Phạm Tấn Đ rủ Nguyễn Văn H đi tìm nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. Sau đó, Đạt điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47M6-2829 (xe của chị Dương Thị Thanh T3). Khi đi đến nhà ông Nông Văn B thuộc thôn 14, xã Y, huyện E, thấy nhà khóa cửa, không có người trông coi. Đ đứng ngoài cảnh giới, còn H đi vào sân, phát hiện có 02 bánh xe cày bằng sắt đang để bên hông nhà nên H lấy 02 bánh xe cày rồi ra chỗ Đạt đứng chờ, rồi cả hai chở tài sản trộm cắp được đi bán. Khi đi

được khoảng 600m thì ông B phát hiện và báo cho Công an xã Y cùng quần chúng bắt giữ H và Đ cùng tang vật.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/2019/KL-HĐ992 ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 992 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar, kết luận:

01 máy bơm hơi loại 20kg, màu xanh da trời có giá trị: 1.000.000 đồng; 01 mô tơ hút xả có giá trị: 500.000 đồng; 01 máy phát cỏ có giá trị: 700.000 đồng; 01 máy phun thuốc sâu có giá trị: 1.600.000 đồng; 01 bình phun thuốc sâu có giá trị: 600.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản giám định là: 4.400.000 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/2019/KL-HĐ992 ngày 06/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 992 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar, kết luận:

03 cuộn lưới B40, khổ lưới 1m6 có giá: 4.800.000 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/2019/KL-HĐ992 ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 992 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar, kết luận:

03 cuộn lưới B40, khổ lưới 1m2 có giá: 930.000 đồng; 01 máy bơm giếng khoan nhãn hiệu Galaxy có giá là: 1.300.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản giám định là: 2.230.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/2019/KL-HĐ992 ngày 06/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 992 của Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar, kết luận:

02 bánh xe cày bằng sắt có giá là 900.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT- VKS ngày 20 tháng 01 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Hữu Th về tội “Trộm cắp tài sản ” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Truy tố bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar truy tố về tội “Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác và vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản, nên trong khoảng thời gian từ ngày 09/7/2019 đến ngày 27/8/2019 Nguyễn Đắc Th1, Vũ Văn N, Nguyễn Văn H, Trần Hữu Th và Vũ Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của nhiều người, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 12.330.000 đồng, trong đó:

- Nguyễn Đắc Th1 tham gia 04 vụ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 11.430.000 đồng, trong đó có 02 vụ giá trị tài sản trên 02 triệu đồng;

- Vũ Văn N tham gia 03 vụ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 7.030.000 đồng, trong đó có 01 vụ giá trị tài sản trên 02 triệu đồng;

- Nguyễn Văn H tham gia 03 vụ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 6.230.000 đồng, trong đó có 01 vụ giá trị tài sản trên 02 triệu đồng;

- Trần Hữu Th và Vũ Văn D mỗi người tham gia 01 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt là: 4.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà các bị cáo gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu Th, Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Hữu Th mức hình phạt từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 tổng hợp hình phạt.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc Th1 mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H, mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn N, mức hình phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn D mức hình phạt từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Đối với Phạm Tấn Đ đã có hành vi cùng Nguyễn Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 27/8/2019. Tuy nhiên, giá trị tài sản bị chiếm đoạt qua định giá chỉ có giá trị là 900.000 đồng; khi thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên, Đạt không thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, hành vi của Đạt không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Đ là phù hợp.

Đối với Lê Minh H, Đỗ Văn N, Tô Xuân X, Hồ Chí L, Hồ Thị L2 và Thái Thị Thùy T2, mua các tài sản do các bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên họ không biết đây là những tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý vật chứng như sau:

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp gồm những tài sản sau: 01 máy bơm hơi; 01 máy bơm thuốc sâu; 01 bình phun thuốc sâu; 01 máy phát cỏ cho ông Trần Văn T; 03 cuộn lưới B40, khổ lưới 1m6 cho ông Nguyễn Ngọc V; 03 cuộn lưới B40, trọng lượng 155kg và 01 máy bơm giếng khoan nhãn hiệu Galaxy cho ông Trần Xuân T2; 02 bánh xe cày bằng sắt cho ông Nông Văn B; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47M6-2829 cho chị Dương Thị Thanh T3 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 29N1-3747 do bị cáo N và Đắc Th1 sử dụng làm phương tiện phạm tội: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh để làm rõ nguồn gốc của chiếc xe. Tuy nhiên, đến nay chưa có kết quả, tại phiên tòa, bị cáo N và Đắc Th1 khai xe mô tô này do hai bị cáo góp tiền mua chung của một người ở km62, huyện EaKar, nhưng không nhớ là ai. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47K7-7973, do H làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra, bị cáo H khai là xe không giấy tờ được mua vào khoảng tháng 6.2019 từ một thanh niên không biết tên. Qua xác minh nguồn gốc, anh Bùi Văn H3 xác định, năm 2004 anh mua xe mô tô này, đăng ký giấy tờ mang tên anh, sử dụng một thời gian thì năm 2008 anh bán cho cho một người lạ mặt với giá 5.000.000 đồng, khi bán thì nhận tiền, đưa xe nhưng không làm giấy tờ, sang tên đổi chủ. Vì vậy, đến nay chưa xác minh làm rõ nguồn gốc chiếc xe nên cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 xe mô tô biển kiểm soát 47L2-1080; 47F1-098.33 là tài sản hợp pháp của anh Trần Công Đ và Đỗ Thiện Q. Đây là xe mô tô mà bị cáo N và bị cáo Hữu Th mượn để sử dụng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, anh Định và Quang không biết Nguyên và Hữu Th mượn để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ là phù hợp.

Trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc yêu cầu bồi thường của Đỗ Văn N, Tô Xuân X, Hồ Chí L, Hồ Thị Loan2: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền mà họ bỏ ra mua số tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, nhưng sau đó tài sản đã trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với yêu cầu của Trần Văn T: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Thành, Nguyễn Đắc Th1 liên đới bồi thường số tiền 5.000.000 đồng cho ông là chưa phù hợp. Bởi lẽ, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.400.000 đồng, trong khi đó ông Tuyền đã nhận lại một số tài sản tổng giá trị là 3.200.000 đồng, gồm: 01 máy bơm hơi; 01 máy bơm thuốc sâu; 01 bình phun thuốc sâu; 01 máy phát cỏ. Như vậy số tiền còn phải bồi thường là 500.000 đồng.

Đối với Lê Minh H yêu cầu Nguyễn Đắc Th1 bồi thường số tiền 1.200.000 đồng. Tuy nhiên các bị cáo sau khi bán được tài sản do trộm cắp mà có đều sử dụng chung số tiền này, nên phải liên đới bồi thường cho anh Lê Minh H. Vì vậy, cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh Lê Minh H số tiền 1.200.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, không tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo Trần Hữu Th, Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn N tỏ thái độ ăn năn và yêu cầu Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra huyện EaKar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành

tổ tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hữu Thành, Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác lưu tại hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản nên ngày 09/7/2019 các bị cáo Nguyễn Đắc Thành, Nguyễn Văn H, Trần Hữu Th và Vũ Văn D đã có hành vi lên lút chiếm đoạt 01 bình bơm thuốc sâu; 01 máy phát cỏ; 01 máy hút cát, 01 máy bơm thuốc và 01 bình bơm hơi của ông Trần Xuân Tuyền, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 4.400.000 đồng.

Ngoài ra, từ ngày 09/8/2019 đến ngày 27/8/2019, bị cáo Nguyễn Đắc Th1 cùng bị cáo Vũ Văn N cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Ngọc Vui 03 cuộn lưới B40, giá trị 4.800.000 đồng; 01 máy bơm nhãn hiệu Galaxy II, giá trị 1.300.000 đồng của ông Nguyễn Xuân Thám. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn H tham gia cùng bị cáo Nguyễn và bị cáo Thành trộm 01 vụ, và cùng đối tượng Phạm Tấn Đ thực hiện hành vi trộm cắp 02 bánh xe giá trị 900.000 đồng của ông Nông Văn Bôn thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 12.330.000 đồng

Xét hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị án tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo có độ tuổi còn trẻ, nhưng đều không có nghề nghiệp ổn định và có nhân thân xấu, bị cáo Trần Hữu Th trong thời gian hoãn chấp hành Bản án số 119/2019/HSPT ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Như vậy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar đối với bị cáo Trần Hữu Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; và truy tố các bị cáo Trần Hữu Thành, Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g, Tái phạm nguy hiểm.

...”

Trong vụ án này có năm bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi

phạm tội, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cần xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo để cá thể hoá hình phạt.

Đối với bị cáo Trần Hữu Thành, bị cáo chỉ tham gia 01 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.400.000 đồng. Bị cáo đóng vai trò giúp sức, đứng ngoài trông xe, cảnh giới, làm củng cố tinh thần thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo D và bị cáo H. Bị cáo có 02 tiền án về tội Đánh bạc, cụ thể: Tại Bản án số 310/2015/HSPT ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng và tại Bản án số 119/2019/HSPT ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 2 năm tù về tội Đánh bạc. Trong thời gian hoãn chấp hành án ngày 09/7/2019 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Đắc Thành, bị cáo đóng vai trò giúp sức đứng ngoài cảnh giới với bị cáo Hữu Thành, để bị cáo D và bị cáo H vào nhà ông Trần Văn Tuyền thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo cũng là kẻ thực hành tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Ngọc Vui. Ngoài ra, bị cáo cùng bị cáo Nguyên, bị cáo H trong 03 ngày liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Xuân Thám. Tổng cộng bị cáo tham gia 04 vụ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 11.430.000 đồng, trong đó có 02 vụ giá trị tài sản trên hai triệu đồng. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo cao hơn các bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, và Vũ Văn Nguyên, nhưng thấp hơn bị cáo Trần Hữu Th là thoả đáng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H và Vũ Văn N, các bị cáo tham gia với vai trò thực hành tích cực, riêng bị cáo H là người rủ rê, khởi xướng các bị cáo Hữu Th, Đắc Th1, Nguyễn Văn D tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Trần Văn T. Bị cáo Vũ Văn N tham gia 03 vụ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 7.030.000 đồng, trong đó có 01 vụ giá trị tài sản trên 02 triệu đồng; Bị cáo Nguyễn Văn H tham gia 03 vụ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 6.230.000 đồng, trong đó có 01 vụ giá trị tài sản trên 02 triệu đồng. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với các bị cáo cao hơn bị cáo Vũ Văn D là phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Văn D, bị cáo tham gia 01 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt là: 4.400.000 đồng, bị cáo tham gia với vai trò thực hành, trực tiếp cùng bị cáo H vào nhà ông T trộm cắp tài sản cùng bị cáo H, và là người trực tiếp bán tài sản trộm cắp cho ông Lê Minh H. Tuy nhiên, bị cáo chỉ tham gia 01 vụ, do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo thấp hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận biết rõ mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị pháp luật phải trừng trị nghiêm khắc. Trong vụ án này có 05 bị cáo cùng tham gia, do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội gây thiệt hại không lớn, các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân, bị

cáo Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H sau khi bị bắt ngày 27/8/2019 thì đã khai ra những vụ trộm cắp mà bị cáo và đồng bọn thực hiện trước đó, thuộc trường hợp đầu thú, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đắc Th1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, Điều 47, Bộ luật Hình sự, xử lý như sau:

Cơ quan công an huyện EaKar đã trao trả 01 máy bơm hơi; 01 máy bơm thuốc sâu; 01 bình phun thuốc sâu; 01 máy phát cỏ cho ông Trần Văn T; 03 cuộn lưới B40, khổ lưới 1m6 cho trao trả cho ông Nguyễn Ngọc V; 03 cuộn lưới B40, trọng lượng 155kg và 01 máy bơm giếng khoan nhãn hiệu Galaxy trao trả cho ông Trần Xuân Thám; trao trả 02 bánh xe cày bằng sắt cho ông Nông Văn B, trả 01 xe mô tô biển số 47M6 – 2829 nhãn hiệu cho chị Dương Thị Thanh T3 là các chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ ngày 02/01/2020 và Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ ngày 14/01/2020 là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 xe mô tô biển số 47K7 – 7973, số máy LC150FMG01265096 màu đen, nhãn hiệu LIFAN và 01 xe mô tô biển số 29N1 - 3747, số máy 01891984 nhãn hiệu PANTHEON trong quá trình điều tra không xác minh được ai là chủ sở hữu hợp pháp nên cần tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Phạm Tấn Đ đã có hành vi cùng Nguyễn Văn H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 27/8/2019. Tuy nhiên, giá trị tài sản bị chiếm đoạt qua định giá chỉ có giá trị là 900.000 đồng; khi thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên, Đ không thuộc một trong các trường hợp từ điểm a đến điểm đ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, hành vi của Đ không đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã ra quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Đ là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, người bị hại là ông Nông Văn B, Nguyễn Ngọc V, Trần Xuân T và người liên quan là chị Thái Thùy T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

Đối với yêu cầu của bị hại ông Trần Văn T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là tiền thuê máy móc, nhân công trong thời gian bị mất tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc thuê nhân công trong thời gian bị mất tài sản, mặt khác, ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 30 và khoản 2 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, tách yêu cầu

bồi thường thiệt hại của ông T đối với các bị cáo bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với 01 máy hút cát màu bạc trong quá trình điều tra không thu hồi được, ông T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường giá trị của 01 máy hút cát là 500.000 đồng theo giá đã được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện EaKar kết luận. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 liên đới bồi thường cho ông T số tiền 500.000 đồng. Cụ thể, mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 125.000 đồng cho ông T.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H, yêu cầu bị cáo Nguyễn Đắc Th1 bồi thường số tiền 1.200.000 đồng. HĐXX nhận thấy, các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp, sau khi bán tài sản đã cùng nhau tiêu xài, do đó, cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 liên đới bồi thường cho ông H số tiền 1.200.000 đồng là thỏa đáng. Cụ thể, mỗi bị cáo bồi thường 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đối với yêu cầu của ông Đỗ Văn N yêu cầu Vũ Văn D bồi thường số tiền 430.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của ông N là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Đắc Th1 bồi thường cụ thể: ông Tô Xuân X yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng; ông Hồ Chí L yêu cầu bồi thường số tiền 400.000 đồng. HĐXX nhận thấy, bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Đắc Th1 cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp, sau khi bán tài sản đã cùng nhau tiêu xài, do đó, cần buộc các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Đắc Th1 liên đới bồi thường cho ông Tô Xuân X số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho ông Hồ Chí L 400.000 đồng.

Cụ thể, bị cáo Vũ Văn N bồi thường 1.500.000 đồng cho ông Tô Xuân X, 200.000 đồng cho ông Hồ Chí L.

Bị cáo Nguyễn Đắc Th1 bồi thường 1.500.000 đồng cho ông Tô Xuân X, 200.000 đồng cho ông Hồ Chí L.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L1 yêu cầu các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Đắc Th1 bồi thường số tiền 920.000 đồng. HĐXX nhận thấy, bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Đắc Th1 và Nguyễn Văn H cùng nhau tham gia thực hiện hành vi trộm cắp, sau khi bán tài sản đã cùng nhau tiêu xài, do đó, cần buộc các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Đắc Th1 và Nguyễn Văn H liên đới bồi thường cho bà L1 số tiền 920.000 đồng. Cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 306.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu ngàn đồng).

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đắc Th1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Vũ Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Vũ Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Trần Hữu Th, Vũ Văn D, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đắc Th1 và Vũ Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Trần Hữu Th: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù của bản án số 119/2019/HSPT ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam theo Bản án số 119/2019/HSPT ngày 28/03/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 09/02/2018.

Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù của bản án trước sẽ được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51; g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Đắc Th: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/12/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn H: 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt Vũ Văn N: 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn D 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/12/2019.

3. Các biện pháp tư pháp:

3.1. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan Công an huyện EaKar đã trao trả đã trao trả 01 máy bơm hơi; 01 máy bơm thuốc sâu; 01 bình phun thuốc sâu; 01 máy phát cỏ cho ông Trần Văn T; 03 cuộn lưới B40, khổ lưới 1m6 cho trao trả cho ông Nguyễn Ngọc V; 03 cuộn lưới B40, trọng lượng 155kg và 01 máy bơm giếng khoan nhãn hiệu Galaxy trao trả cho ông Trần Xuân T1; trao trả 02 bánh xe cày bằng sắt cho ông

Nông Văn B, trả 01 xe mô tô biển số 47M6 – 2829 nhân hiệu cho chị Dương Thị Thanh T3 là các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 xe mô tô biển số 47K7 – 7973, số máy LC150FMG01265096 màu đen, nhãn hiệu LIFAN và 01 xe mô tô biển số 29N1 - 3747, số máy 01891984 nhãn hiệu PANTHEON trong quá trình điều tra không xác minh được ai là chủ sở hữu hợp pháp nên cần tiếp tục tạm giữ để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

3.2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP, ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Người bị hại là ông Nông Văn B, Nguyễn Ngọc V, Trần Xuân T1 và người liên quan là chị Thái Thùy T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Trần Văn T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là tiền thuê máy móc, nhân công trong thời gian bị mất tài sản trong một vụ án khác khi có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 liên đới bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 500.000 đồng là giá trị máy hút cát màu bạc. Cụ thể, mỗi bị cáo bồi thường số tiền là 125.000 đồng cho ông Tuyền.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Văn D, Trần Hữu Th, Nguyễn Đắc Th1 liên đới bồi thường cho ông Lê Minh H số tiền 1.200.000 đồng. Cụ thể, mỗi bị cáo bồi thường 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Văn D bồi thường cho ông Đỗ Văn N số tiền 430.000 đồng (Bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Văn N bồi thường 1.500.000 đồng cho ông Tô Xuân X, 200.000 đồng cho ông Hồ Chí L và 306.000 đồng cho bà Hồ Thị L1.

Buộc bị cáo Nguyễn Đắc Th1 bồi thường 1.500.000 đồng cho ông Tô Xuân X, 200.000 đồng cho ông Hồ Chí L và 306.000 đồng cho bà Hồ Thị L1.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường 306.000 đồng cho bà Hồ Thị L1.

Áp dụng điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hữu Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Đắc Th1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Vũ Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Vũ Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*** Quyền kháng cáo:**

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.”/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND EaKar, Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT – Công an EaKar;
- CQ THADS;
- Lưu HS;
- VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Ly

